

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2016/QĐ-UBND

*Bình Thuận, ngày 02 tháng 8 năm 2016*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Quy định mức thu, quản lý và sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục đào tạo, dạy nghề công lập và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTCBLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X Quy định mức thu, quản lý và sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục đào tạo, dạy nghề công lập và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu, quản lý và sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục đào tạo, dạy nghề công lập và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021. Cụ thể như sau:

## 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này Quy định về mức thu, quản lý và sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục đào tạo, dạy nghề công lập và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021.

## 2. Đối tượng áp dụng.

a) Trẻ em và học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục Đại học công lập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

3. Xác định các khu vực để thực hiện thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên:

a) Khu vực thành thị gồm: Các phường và thị trấn;

b) Khu vực miền núi gồm: Các xã thuộc khu vực II, khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn được công nhận theo các văn bản hiện hành của Ủy ban Dân tộc và các xã thuộc huyện Phú Quý;

c) Khu vực nông thôn gồm: Các xã còn lại.

## 4. Mức thu học phí.

a) Mức thu học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông:

*ĐVT: nghìn đồng/học sinh/tháng*

Bậc học	Mức thu học phí theo vùng (nghìn đồng/học sinh/tháng)		
	Thành thị	Nông thôn	Miền núi
1. Mầm non			
- Nhà trẻ	60	38	20
- Mẫu giáo 01 buổi	60	30	15
- Mẫu giáo bán trú, 02 buổi	150	38	20
2. Trung học cơ sở	60	30	10
3. Trung học phổ thông	75	45	25

- Mức thu học phí được áp dụng bắt đầu từ năm học 2016 - 2017. Kể từ năm học 2017 - 2018 trở đi, giao Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo cuối

năm trước, xây dựng mức thu học phí áp dụng cho năm học sau (nếu có tăng hoặc giảm) thì đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến trước tháng 7 hàng năm, làm căn cứ quy định mức thu cho năm học tiếp theo.

- Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông chất lượng cao đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép thực hiện, đơn vị xây dựng mức học phí tương xứng để trang trải chi phí đào tạo gửi Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt cho phép thực hiện và phải công khai theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với các cơ sở giáo dục thường xuyên: Được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

b) Mức thu học phí đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp:

*ĐVT: Nghìn đồng/tháng/học sinh, sinh viên*

Nhóm ngành nghề	Mức thu học phí theo từng năm học (nghìn đồng/tháng/sinh viên)									
	Năm học 2016 - 2017		Năm học 2017 - 2018		Năm học 2018 - 2019		Năm học 2019 - 2020		Năm học 2020 - 2021	
	TC	CD	TC	CD	TC	CD	TC	CD	TC	CD
Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	330	380	360	410	400	460	430	500	480	550
Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	390	440	430	490	470	540	520	600	570	660
Y dược	480	550	530	600	580	660	640	730	700	800

Đối với mức thu học phí các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên và đào tạo kỹ năng, các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn khác: Thủ trưởng các cơ sở giáo dục quyết định mức thu cụ thể cho từng năm học theo quy định tại Khoản 5 Điều 5 Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, bảo đảm tính công khai, minh bạch.

Đối với học phí đào tạo tính theo tín chỉ, mô đun: Thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 5 Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ.

#### 5. Quản lý và sử dụng học phí thu được.

a) Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu học sinh, sinh viên tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên, đào tạo thường xuyên và các khóa đào tạo ngắn hạn, học phí được thu theo số tháng thực học. Đối với cơ sở giáo dục phổ thông, học phí được thu 9 tháng/năm. Đối với cơ sở giáo dục đại học (các trường cao đẳng), học phí được thu 10 tháng/năm;

Trong trường hợp tổ chức giảng dạy, học tập theo học chế tín chỉ, cơ sở giáo dục có thể quy đổi để thu học phí theo tín chỉ, song tổng số học phí thu theo tín chỉ của cả khóa học không được vượt quá mức học phí quy định cho khóa học nếu thu theo năm học.

b) Cơ sở giáo dục công lập nộp toàn bộ số thu học phí của các ngành nghề được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí đào tạo vào Kho bạc Nhà nước để quản lý và sử dụng; nộp toàn bộ tiền thu học phí của các ngành, nghề không được ngân sách nhà nước hỗ trợ vào ngân hàng thương mại để quản lý, sử dụng. Toàn bộ tiền lãi gửi ngân hàng thương mại được sử dụng để lập các quỹ hỗ trợ sinh viên;

c) Cơ sở giáo dục công lập sử dụng học phí theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê học phí theo các quy định của pháp luật; thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền; và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp. Thu, chi học phí của cơ sở giáo dục công lập phải tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán thu, chi tài chính hàng năm của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

#### 6. Về miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

Thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 (từ Điều 6 đến Điều 12); Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ.

**7. Tổ chức thực hiện.**

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể danh mục địa bàn các khu vực để thực hiện thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên theo quy định.

**Điều 2.** Bãi bỏ các Quyết định:

1. Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu học phí; thực hiện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015.

2. Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND ngày 13/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung Điểm c Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức thu học phí.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Hai**